

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HSST

Ngày: 19/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Quý - Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
2. Ông Trần Văn Minh - Nguyên Chủ tịch Hội Cựu chiến binh huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ Pơ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Mạc Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 24/2017/HSST ngày 31/10/2017 đối với bị cáo:

Trần Minh C (tên gọi khác: Út C), sinh năm 1991, tại tỉnh Gia Lai; trú tại: Tổ 16, phường A, thị xã A, Gia Lai; nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 3/12; con ông Trần T, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị Hồng T (đã chết); bị cáo chưa có vợ; Tiền án: 04 tiền án, Ngày 26/6/2008 bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù giam về tội “ Trộm cắp tài sản”; Ngày 25/9/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 29/3/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã An Khê xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” và Ngày 02/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ xử phạt 05 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 15/2012/HSST; Bị cáo bị bắt tạm giữ và tạm giam từ ngày 15/8/2017 cho đến hiện nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại:***

Anh Đinh Văn M, sinh năm 1993; trú tại: làng K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
Có mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Đinh Thị B, sinh năm 1994; trú tại: làng G, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.
Có mặt.

2. Chị Đinh Thị C, sinh năm 1991; trú tại: làng G, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Chị Đinh Thị M, sinh năm 1989; trú tại: làng K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Minh C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 18/5/2017 Trần Minh C đến xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để chơi, khi đi ngang qua nhà ông Đinh T thì phát hiện trước sân nhà có xe mô tô BKS 81S7-4264 của anh Đinh Văn M đang dựng trước sân không có người trông coi nên C đã đi vào và dắt xe mô tô ra phía ngoài cổng sau đó C quan sát thấy nhà của chị Đinh Thị C ở bên cạnh có dựng một xe mô tô ở trước có chìa khóa vẫn cắm trên ổ khóa điện nên C đã đến rút lấy chìa khóa và dùng chìa khóa này mở ổ khóa điện của xe mô tô BKS 81S7-4264 điều khiển xe mô tô đi về hướng huyện K. Đến khoảng 01 giờ ngày 19/5/2017 C dùng xe để tháo vớt biển số xe 81S7-4264, búng xe cùng các giấy tờ có trong cốp xe gồm: 01 Đăng ký xe mang tên Đinh Thị M, 01 Giấy phép lái xe, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Đinh Văn M và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Đinh Thị B, Sau đó Cường nhặt được một Biển kiểm soát xe 81H5-7538 và gắn vào chiếc xe mô tô và C trộm cắp được để tránh bị phát hiện và dùng xe trên để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Tại bản kết kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ ngày 17/8/2017 kết luận: giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn: trắng - đen, số khung: 402795, số máy: 402846, xe đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 18/5/2017 có giá trị 8.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 21/CTr-VKS ngày 30/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Minh C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Minh C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Minh C từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Xử lý vật chứng vụ án. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại và chịu án án phí hình sự và án phí dân sự đối với số tiền còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa bị cáo Trần Minh C khai nhận toàn bộ hành vi của mình phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập có được trong hồ sơ vụ án, vì vậy đã có đủ cơ sở Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng 23 giờ ngày 18/5/2017 Trần Minh C đến xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai để chơi, khi đi ngang qua nhà ông Đinh T thì phát hiện trước sân nhà có xe mô tô BKS 81S7-4264 đang dựng trước sân không có người trông coi nên C đã đi vào trộm cắp chiếc xe trên. Sau đó C tháo vớt biển số xe 81S7-4264, bứng xe cùng các giấy tờ có trong cốp xe gồm: 01 Đăng ký xe mang tên Đinh Thị M, 01 Giấy phép lái xe, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Đinh Văn M và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Đinh Thị B. Sau đó Cường nhặt được một Biển kiểm soát xe 81H5-7538 và gắn vào chiếc xe mô tô trộm cắp được dùng xe này để sử dụng làm phương tiện đi lại.

Tại bản kết kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ ngày 17/8/2017 kết luận: giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, màu sơn: trắng - đen, số khung: 402795, số máy: 402846, xe đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 18/5/2017 có giá trị 8.000.000 đồng.

Đối với bị cáo C nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp và có 04 tiền án trộm cắp tài sản, lần này tiếp tục phạm tội nhưng không có cơ sở để xác định bị cáo lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính nên không buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự về tình tiết định khung “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp”. Nhưng tại bản án số 15/2012/HSST ngày 02/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” chưa được xóa án tích. Lần này bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mặt dù giá trị tài sản bị cáo trộm cắp lần này không lớn nhưng hành vi của bị cáo rơi vào trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” đây là tình tiết định khung hình phạt cần phải áp dụng đối với bị cáo. Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Trần Minh C phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Để nhận xét và đánh giá đúng nội dung tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy rằng:

Xét về hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Đinh Văn M được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, đồng thời hành vi trên còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Để phục vụ cho nhu cầu và mục đích cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sự sơ ý của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, nên đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà đáng lẽ ra bị cáo phải nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản luôn được Nhà nước tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều trái pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đã áp dụng tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” định khung hình phạt nên không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo C có nhân thân xấu, có 04 tiền án nhưng chưa được xóa án tích lần này bị cáo tiếp tục thực hiện phạm tội do lỗi cố ý. Do đó khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn thật nghiêm khắc nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội là điều cần thiết.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra anh Đinh Văn M yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng số tiền 5.480.000đồng bao gồm: tiền sửa xe 5.000.000đồng; tiền làm lại biển số xe, Giấy đăng ký xe: 300.000đồng; tiền làm lại Giấy phép lái xe 150.000đồng; tiền làm lại Chứng minh nhân dân cho hai người 30.000đồng. Tại phiên Tòa anh Đinh Văn M yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 4.000.000 đồng, bị cáo C đồng ý bồi thường cho anh Đinh Văn M toàn bộ số tiền trên. Nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đinh Văn M tổng số tiền 4.000.000đồng.

Về vật chứng vụ án: Thu giữ 01 biển số xe 81H5-7538. Trong quá trình điều tra xác định đây là biển số xe đăng ký tên ông Nguyễn T, trú tại xã K, huyện K, tuy nhiên hiện nay qua xác minh ông T không có tại địa chỉ trên nên cơ quan điều tra tách ra điều tra xử lý thành vụ án khác, nên Hội đồng xét xử giao lại biển số xe 81H5-7538 cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ quản lý để làm vật chứng vụ án.

Về án phí: Bị cáo Trần Minh C phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Minh C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; Điều 33; điểm p khoản 1, Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Minh C 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam là ngày 15/8/2017.

3. Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Xử buộc bị cáo Trần Minh C phải bồi thường cho anh Đinh Văn M tổng số tiền 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi xuất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới

hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, tại thời điểm thanh toán.

4. Áp dụng Điều 76; khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử Giao biển số xe 81H5-7538 cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai quản lý để làm vật chứng trong vụ án khác.

Việc xử lý vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/10/2017, giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Xử buộc bị cáo Trần Minh C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải bồi thường.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (19/12/2017) bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi họ cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Lê Ngọc Bình

